TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC
TỈNH LONG AN

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24-01-2022
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC – TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Chí

Ông Đặng Văn Vững

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Chánh Nhật- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 222/2021/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Huyền T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Ấp 3, xã A, huyện G, tỉnh A (Xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hồ Vũ P, sinh năm 1994; Địa chỉ: Ấp 2, xã A, huyện G, tỉnh A (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Huyền T trình bày: Chị Phan Thị Huyền T yêu cầu ly hôn với anh Hồ Vũ P; về con chung: có 01 con chung tên Hồ Phương Trà M sinh ngày 20/8/2017, chị T đồng ý để con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung chị T không yêu cầu giải quyết; về án phí, chị T đồng ý chịu toàn bộ án phí.

Yêu cầu, đề nghị của anh Hồ Vũ P: Anh P vắng mặt không có ý kiến.

Các tài liệu chứng cứ của vụ án:

Chứng cứ do chị Phan Thị Huyền T cung cấp: Giấy CMND, sổ hộ khẩu của chị T (bản sao); 01 giấy trích lục kết hôn; 01 giấy khai sinh con (bản sao), bản tự khai.

Chứng cứ do anh Hồ Vũ P cung cấp: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

Chị T trình bày: Chị T và anh Hồ Vũ P cưới nhau năm 2017 và có đăng lý kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện G, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 02/2017 ngày 18/01/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung hạnh phúc được một thời gian. Tuy nhiên sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ việc anh P gây nợ và chị phải cố gắng trả nhiều lần. Mặt khác, anh P không tin tưởng nên có hành vi, thái độ không tốt với chị. Do không thể sống chung nhà được nên chị T về nhà mẹ ruột sinh sống từ tháng 06/2021 cho đến nay. Thời gian từ khi ly thân đến nay vợ chồng cũng không có mong muốn đoàn tụ. Xét thấy không thể hàn gắn tình cảm được nên chị T yêu cầu ly hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng có 1 con chung tên là Hồ Phương Hà M, sinh ngày 20/8/2017, hiện nay con đang ở bên gia đình chồng. Thời gian không sống chung thì chị T để con cho gia đình nội chăm sóc ban ngày, tối đến chị T rước con về ngủ. Do hiện nay, Chị T chưa có điều kiện chăm sóc con do phải đi làm nên sau khi ly hôn chị T đồng ý để anh P tiếp tục được nuôi con, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa căn cứ các kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào nơi cư trú và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, xét vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An và quan hệ tranh chấp ly hôn căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt chị Phan Thị Huyền T anh Hồ Vũ P: Chị Phan Thị Huyền T vắng mặt có đơn xin vắng, anh Hồ Vũ P vắng mặt không có lý do dù đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần. Do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt Chị T, anh P.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Huyền T và anh Hồ Vũ P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện G, tỉnh A vào năm 2017 đúng với quy định tại Khoản 1 Điều 18 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị T yêu cầu ly hôn với anh P do trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết và hiện vợ chồng đã ly thân từ tháng 06 năm 2021. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, anh P không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản để thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T, cho thấy anh P không có thiện chí để vợ chồng hòa giải đoàn tụ. Hơn nữa, chị T cương quyết xin ly hôn và không yêu cầu hòa giải đoàn tụ. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có*

căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được", Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh P đã trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Huyền T với anh Hồ Vũ P.

[4] Về con chung: Con chung Hồ Phương Hà M, sinh ngày 20/8/2017, hiện con đang sống với anh P. Chị T đồng ý để anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P không có văn bản thể hiện ý kiến đối với nuôi con chung, và cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, con chung đang sống với anh P có cuộc sống ổn định. Do đó, căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con",* nên Hội đồng xét xử giao cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 24 Điều 3 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"Cấp dưỡng là việc một người có nghĩa vụ đóng góp tiền hoặc tài sản khác để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người không sống chung với mình mà có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng trong trường hợp người đó là người chưa thành niên..."*. Và Điều 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con".* Xét anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Phan Thị Huyền T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Huyền T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Huyền T được ly hôn với anh Hồ Vũ P.

2. Về con chung: Giao con chung tên Hồ Phương Hà M, sinh ngày 20/8/2017 cho anh Hồ Vũ P tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Phan Thị Huyền T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 00012734 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An sang án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã A, huyện G, tỉnh A;
- Lưu hồ sơ, VT.

Trần Phương Thảo